

**Chống chỉ định :** Mẫn cảm với quinin, huyết cầu tể- niệu chưa rõ nguyên nhân.

### Quinin sulfat

**Biệt dược :** Quinamin

**Dạng thuốc :** Viên có 0,25g quinin sulfat.

**Tác dụng :** Chống sốt rét chỉ có tác dụng trên dạng hồng cầu của Plasmodium. Vì vậy chỉ sử dụng đối với ký sinh trùng cấp tính P.vivax, malariae hay ovale, có thể chữa trị hơn 50% sốt rét do P.falciparum- Giảm đau hạ nhiệt. Gây tê cục bộ, tác nhân xơ cứng dùng điều trị giãn tĩnh mạch. (tr).

**Chỉ định :** Chữa bệnh sốt rét. Dự phòng điều trị co cứng cơ chân (chuột rút) ở tư thế nằm về đêm.

**Liều dùng :** Sốt rét- Người lớn uống mỗi ngày 0,5-2g, chia làm 3 lần, trong 9 ngày. Trẻ em : 0,05g/tuổi. Co cứng cơ uống 0,25g lúc sắp đi ngủ, nếu cần uống 2 viên vào buôa ăn chiều và lúc đi ngủ.

**Chống chỉ định :** Làm tổn thương bào thai, cho nên không sử dụng cho phụ nữ có thai- Mẫn cảm với quinin (thiếu enzym G6PD)- Ù tai, viêm thần kinh thị giác.

**Lưu ý :** Quinin làm tăng nồng độ digoxin và digitoxin trong huyết tương, -Suy giảm hệ enzym gan tông hợp các yếu tố liên hệ đến vitamin K, làm tăng tác dụng thuốc chống đông máu và warfarin- Các chất kiềm hóa nước tiêu ( $Na bicarbonat$ , acetazolamid) làm tăng nồng độ quinin trong máu, có khả năng gây độc.

**Tác dụng phụ :** Thiếu máu cấp tính, ban xuất huyết do giám tiêu cầu- Rối loạn thị giác, ù tai, diếc, chóng mặt, nhức đầu, buồn nôn, nôn, sỏi ban, ngứa, đỏ ửng da, đau thất ngực.- Sử dụng thải cản thận với người rung tâm nhĩ- Nếu có hiện tượng như trên phải ngừng dùng thuốc.

### Quinine Lafran (Pháp)

**Dạng thuốc :** Viên chứa 0,25g và 0,50g quinin basic HCl.

**Chỉ định :** Trị sốt rét cơn (đặc biệt ca đẻ phòng kháng với các thuốc trị sốt rét khác). Phòng bệnh cũng trong trường hợp đê kháng với thuốc khác.

**Liều dùng :** Điều trị : người lớn : từ 1,5-2g/24giờ, hay 25mg/kg thể trọng/24giờ, chia 3-4lần. Liều tối đa, 0,50g/lần và 2g/24giờ. Trẻ em : dưới 15 tuổi: 0,15g/tuổi/24giờ, chia

3 lần. Phòng bệnh : 0,25g-0,50g/24giờ chia 2 lần.

**Lưu ý :** Trị liệu lâu dài, cần theo dõi thính giác. Lúc có thai, với liều thông thường không thể khởi phát chuyên đặc, trái lại có thể tăng các con co thắt săn cổ. **Tác dụng phụ :** (chóng mặt, ù tai, với liều cao có thể diếc và song thị).

### Quinisedine (Pháp)

**Dạng thuốc :** Viên có:

Quinin benzoat	80mg
Cao khô Crataegus	60mg

**Tác dụng :** An thần- chống co thắt- Em dịu thần kinh- Giảm đau- Điều hòa rối loạn chức năng tim.

**Chỉ định :** Trạng thái kích thích tim, đánh trống ngực, ngoại tâm thu- Chuột rút.

**Liều dùng :** Uống 4-6viên/ngày.

**Chống chỉ định :** Mẫn cảm với quinin, nhược cơ, rối loạn dẫn truyền trong thần.

**Lưu ý :** Kiêng rượu khi dùng thuốc

### Quinocarbine (Bouchara-Pháp)

**Dạng thuốc :** Viên nén bọc đường có:

Al orthoxyquinoleat	37,3mg
Than hoạt	281,25g

**Tác dụng :** Hấp thụ và sát khuẩn ở ruột.

**Chỉ định :** Biểu trị chứng dày bụng, chướng hơi, và rối loạn ở ruột kết do loạn khuẩn.

**Liều dùng :** Ngày uống 4-8 viên, chia 2 lần.

**Chống chỉ định :** Viêm da dầu chi bệnh ruột (enteropathie acrodermatitis)

**Lưu ý :** Tránh dùng cho phụ nữ có thai Đợt điều trị tối đa không quá 4 tuần (dùng lâu gây ảnh hưởng thần kinh)

Người làm thám phân lọc máu lâu dài, dùng thuốc có nguy cơ gây bệnh não gan

Thận trọng với người suy gan- thận.

Ia chảy nhiễm khuẩn cần dùng kháng sinh phù hợp.

Không nên phối hợp với các thuốc khác có hydroxyquinolein.

**Tác dụng phụ :** Rối loạn nhẹ tiêu hóa, phân màu đen, mắt phospho nếu dùng lâu dài.

### Quotivit O.E (Pháp)

**Dạng thuốc :** Viên bọc chứa :

Retinol (vitamin A)	1000 dvqt
---------------------	-----------